

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1642/SYT-KHTC

Hung Yên, ngày 24 tháng 9 năm 2025

V/v mời tham gia Gói 1. Tư vấn
lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu
khả thi.

Kính gửi: Đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn.

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-SYT ngày 19/9/2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức.

Sở Y tế Hưng Yên tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói 1. Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức theo hình thức chỉ định thầu rút gọn.

Gói thầu được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh.

Sở Y tế Hưng Yên gửi kèm theo công văn này bản dự thảo hợp đồng cho công việc nêu trên. Kính mời quý Công ty có đủ năng lực, có khả năng tham gia, nghiên cứu công văn và dự thảo hợp đồng, nếu phía công ty chấp thuận thực hiện các nội dung đã nêu trong dự thảo, kính mời Công ty đến đến hoàn thiện hợp đồng gói thầu nêu trên.

Thời gian nhận công văn tham gia kèm theo Hồ sơ năng lực: Trước 15 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 9 năm 2025.

Địa chỉ: Sở Y tế Hưng Yên, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.

Sở Y tế tỉnh Hưng Yên trân trọng kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng tham gia nội dung nêu trên.

Trân trọng cảm ơn. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, BQLDA.



Nguyễn Thị Anh

DỰ THẢO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hưng Yên, ngày tháng năm 2025***HỢP ĐỒNG TƯ VẤN****Hợp đồng số: /2025/HĐTV**

Gói 1: Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức thuộc Dự án: Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;**Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;**Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;**Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;**Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ về quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;**Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-TTg, ngày 16/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020 - 2023;**Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020 – 2023 sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức; Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc tiếp nhận kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của tỉnh Hưng Yên và Thái Bình trước sắp xếp;**Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-SYT ngày 19/9/2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thuê dịch vụ tư vấn Dự án “Tăng*

cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức; Quyết định số 463/QĐ-SYT ngày 19/9/2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện Gói 1: Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức ký ngày/...../2025 giữa Sở Y tế tỉnh Hưng Yên và Công ty

Căn cứ Quyết định số/QĐ-SYT ngày/...../2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc Chỉ định đơn vị Thực hiện Gói 1: Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A): SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN

- Đại diện: Bà Nguyễn Thị Anh

Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: Đường Hải thượng Lân Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng

Yên

- Mã số thuế: 0900234508

- Mã QHNSNN:

- Tài khoản:

2. Nhà thầu (gọi tắt là bên B): CÔNG TY

- Đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Mã số thuế:

- Tài khoản:

- Mã NH:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Sở Y tế tỉnh Hưng Yên.

2. Nhà thầu là: Công ty

3. Gói thầu là: Gói thầu số 02: Tư vấn thẩm tra điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức.

4. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc.

5. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền.

6. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.

7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn theo quy định tại Điều 2 (Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên).

8. Giá hợp đồng là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

9. Bên A và Bên B là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày, tháng ghi trong hợp đồng được hiểu là ngày, tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc là ngày dương lịch bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 16 (Rủi ro và bất khả kháng).

13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

14. Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Đề cương nhiệm vụ Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng gồm Đề cương nhiệm vụ Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;

3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

4. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

5. E-ĐKC của hợp đồng;

6. Quyết định Chỉ định đơn vị Gói 1: Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức;

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư (Bên A)

1. Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho bên B một (01) bản sao một số tài liệu liên quan đến dự án cần cho công việc của bên B (bản cứng hoặc file điện tử).

2. Chủ đầu tư sẽ kịp thời gửi các tài liệu hồ sơ liên quan do đơn vị tư vấn lập điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án cho bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho bên B theo đúng các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng này.

4. Chủ đầu tư sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của bên B trong vòng 02 ngày làm việc.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với bên B.

6. Chủ đầu tư sẽ cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của bên B;

7. Chủ đầu tư sẽ xác nhận biên bản hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng này cho bên B khi bên B thực hiện hoàn chỉnh công theo nội dung hợp đồng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn (bên B)

1. Bên B đảm bảo rằng tất cả các công việc bên B thực hiện theo hợp đồng này phải phù hợp với yêu cầu của hợp đồng này và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, quy định của Nhà tài trợ nhưng phải đảm bảo không trái với các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Bên B phải đảm bảo quá trình thẩm tra hồ sơ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phải hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng theo các quy định hiện hành.

3. Bên B phải thực hiện và chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm công việc của mình. Công việc được thực hiện bởi bên B phải do các nhà chuyên môn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật, trình độ thực hiện, đáp ứng yêu cầu của hợp đồng.

4. Bên B sẽ thực hiện một cách chuyên nghiệp các công việc được đề cập đến trong hợp đồng này bằng tất cả các kỹ năng phù hợp, sự thận trọng, sự chuyên cần và thích ứng với các yêu cầu của chủ đầu tư để hoàn thành hợp đồng. Bên B sẽ thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn cho chủ đầu tư.

5. Bên B sẽ sắp xếp, bố trí nhân lực của mình và năng lực cần thiết theo yêu cầu quy định của hợp đồng này để phục vụ công việc của mình;

6. Bên B phải cam kết rằng, khi có yêu cầu của chủ đầu tư, bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào do chủ đầu tư ấn định cho tới ngày hoàn thành và bàn giao sản phẩm.

7. Bên B sẽ phải tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của chủ đầu tư, ngoại trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

8. Bên B phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về mọi hoạt động do nhân lực của mình thực hiện.

9. Bên B phải bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư trong việc quá trình thực hiện các công việc của mình.

10. Bên B phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình;

11. Bên B có nghĩa vụ giải trình và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước việc thanh tra, kiểm toán và kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về trình tự thủ tục; tính công bằng, minh bạch cũng như các quy trình thực hiện đối với công tác tư vấn đối với gói thầu do mình thực hiện;

12. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sau này về tính chính xác của hồ sơ cũng như các khoản xử phạt hành chính trong suốt quá trình triển khai thực hiện việc thẩm tra hồ sơ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi.

13. Bên B phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh của mình như: đăng ký kinh doanh, đăng ký hành nghề, hoàn thành tất cả các nghĩa vụ thuế....

14. Bên B phải có trách nhiệm bảo mật các tài liệu, thông tin liên quan đến gói thầu này.

15. Bên B sẽ phúc đáp bằng văn bản các yêu cầu hoặc đề nghị của chủ đầu tư trong vòng 02 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu hoặc đề nghị đó.

16. Bên B có trách nhiệm xây dựng hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức trên phương diện khách quan, trung thực, bảo mật các thông tin liên quan đến gói thầu (trừ các thông tin công khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và các thông tin công khai chủ đầu tư được phép công khai với nhà thầu).

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói

a) Giá hợp đồng:

Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **310.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng)**. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

- Tạm ứng: Không tạm ứng

- Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là 01 lần [quy định tại **ĐKCT**].

+ Chủ đầu tư thanh toán 100% giá trị của Hợp đồng, tương đương với **310.000.000 đồng VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng)** sau khi nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ theo nội dung Hợp đồng, trên cơ sở nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, đồng thời thu hồi toàn bộ tạm ứng hợp đồng.

Trong vòng 30 ngày [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

2. Phương thức thanh toán: Toàn bộ giá trị thanh toán được Chủ đầu tư chuyển về tài khoản của Công ty, cụ thể:

+ Công ty:

+ Tài khoản số:

+ Tại:

+ Mã ngân hàng:

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ):

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

- Thời gian trên không bao gồm thời gian tổ chức các cuộc họp, bảo vệ, thẩm định, thẩm tra, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng.

- Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này.

2. Hợp đồng này bao gồm trang, được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số:/2025/HĐ, ký ngày tháng năm 2025 giữa Sở Y tế tỉnh Hưng Yên và Công ty)

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu; 1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT; 1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT; 1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV; 1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong

	quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có); h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam. 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư. 4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển

	cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn. 4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
5. Bản quyền	5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư. Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư. 5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số

	kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên. 5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào. 5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.
6. Bảo hiểm	6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật. 6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.

	13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư; d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu; e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép. 13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.
14. Nhân sự	14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi

	nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	15.1. Quyền của nhà thầu: a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. 15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu: a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;

	g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
16. Nhà thầu phụ (nếu có)	16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu; 16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT. 16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ 16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
18. Tạm dừng hợp đồng	18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc 18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp

	đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc). b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được. c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu. d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.
19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu	19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. 19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.
20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư	Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.
21. Trường hợp bất khả kháng	21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc

thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng

	trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu: - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng.
22. Giải quyết tranh chấp	22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.
23. Thông báo	23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT. 23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số:/2025/HĐTV, ký ngày tháng năm 2025 giữa Sở Y tế tỉnh Hưng Yên và Công ty)

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Hưng Yên - Đại diện: Bà Nguyễn Thị Anh Chức vụ: Giám đốc - Địa chỉ: Đường Hải thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên - Điện thoại: - Mã số thuế: 0900234508 - Tài khoản: Tại:..... - Mã QHNS
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: Công ty - Đại diện: Chức vụ: - Địa chỉ: - Điện thoại: - Mã số thuế: - Tài khoản: - Mã NH:
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Sở Y tế tỉnh Hưng Yên
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: ngày tháng năm 2025
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ [Ghi các tài liệu khác, nếu có]
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: _____ [Ghi các quy định khác (nếu có)]
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có). Trường hợp không áp dụng thì ghi “không áp dụng”]
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu
E-ĐKC 10	10.1. Tạm ứng: Không có 10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Toàn bộ giá trị thanh toán được Chủ đầu tư chuyển về tài khoản của

	Công ty, cụ thể: + Công ty + Tài khoản số: + Tại: + Mã ngân hàng: - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng. - Số lần thanh toán: 01 lần. - Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá hợp đồng trong vòng 20 ngày sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ thanh toán bên B nộp cho Bên A: - 10 bộ hồ sơ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu có liên quan (bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt) - Biên bản nghiệm thu. - Biên bản thanh lý hợp đồng - Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành - Hóa đơn
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ): + Trường hợp có sự thay đổi về thời gian bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A và được bên A chấp thuận. + Thời gian trên không bao gồm thời gian tổ chức các cuộc họp, bảo vệ, thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh.
E-ĐKC 13.2 e)	Các trường hợp khác: _____.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không.
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không.
E-ĐKC 17	Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.

	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 2% giá hợp đồng cho 07 ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá: 8%. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSDX hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương.
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Hoàn thiện trong quá trình thương thảo hợp đồng
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày kể từ ngày Hòa giải viên được chỉ định; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể được kéo dài nhưng không quá 20 ngày.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN Điện thoại: Fax: E-mail: _____ - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: CÔNG TY Điện thoại: E-mail:

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Đề cương nhiệm vụ Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi
- Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
- Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Phụ lục A
ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ TƯ VẤN
PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên Dự án: Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023 sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức.

2. Dự án nhóm: B

3. Cấp quyết định đầu tư Dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

4. Tên chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Thái Bình (nay là Sở Y tế tỉnh Hưng Yên)

5. Địa điểm thực hiện dự án: Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Hưng, Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Phụ, Bệnh viện Đa khoa huyện Thái Thụy, Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải và Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư Dự án: 3.437.500 Euro tương đương 93.451.875.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ, bốn trăm năm mươi một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn vay ODA của Chính phủ Đức: 2.750.000 Euro tương đương 74.761.500.000 đồng

+ Vốn đối ứng: 687.500 Euro tương đương 18.690.375.000 đồng

- Cơ chế tài chính trong nước áp dụng với dự án:

+ Vốn vay ODA: Cấp phát 70% từ ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên) vay lại 30%.

+ Vốn đối ứng: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên) bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm của địa phương.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.

PHẦN II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung về hợp đồng xây dựng; Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ về quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-TTg, ngày 16/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020 – 2023 sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-SYT ngày 19/9/2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức; Quyết định số 462/QĐ-SYT ngày 19/9/2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thuê dịch vụ tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện Gói 1: Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức ký ngày/...../2025 giữa Sở Y tế tỉnh Hưng Yên và Công ty

Căn cứ Quyết định số/QĐ-SYT ngày/...../2025 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc Chỉ định đơn vị Gói 1: Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số/2025/HĐTV ngày/...../2025 giữa Sở Y tế tỉnh Hưng Yên và Công ty về việc Thực hiện Gói 1: Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn Dự án “Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức.

PHẦN III. ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ TƯ VẤN

3.1. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: Cải thiện khả năng tiếp cận của người dân (đặc biệt là người nghèo và người yếu thế) với các dịch vụ chăm sóc y tế phân cấp, theo nhu cầu và chất lượng cao đảm bảo phân tuyến hiệu quả.

- Mục tiêu cụ thể: Bổ sung trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản, 04 Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện đã thụ hưởng dự án trong giai đoạn trước và Trường Cao đẳng Y tế nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, đặc biệt trong lĩnh vực sản phụ khoa và chăm sóc sức khỏe trẻ em, tạo điều kiện cho người dân (bao gồm người nghèo và người yếu thế) ở vùng được dự án lựa chọn sử dụng các dịch vụ y tế phân cấp, theo nhu cầu và có chất lượng cao.

Đúng quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành theo quy định;

Đáp ứng đúng tiến độ đã đề ra;

Tuân thủ quy định khác của pháp luật về đầu tư công cũng như quản lý trang thiết bị y tế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.2. Nhiệm vụ tư vấn

3.2.1. Khảo sát, thu thập thông tin

a. Mục đích khảo sát

Đánh giá thực trạng và phương hướng phát triển của từng đơn vị từ đó xác định những danh mục trang thiết bị dự kiến đầu tư, phù hợp với cơ sở hạ tầng, nhu cầu của từng đơn vị. Tránh đầu tư dàn trải, chồng chéo gây lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng tới chất lượng dự án.

b. Phạm vi, khối lượng dự kiến đầu tư

Đầu tư mua sắm thiết bị y tế các chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, xét nghiệm, hồi sức cấp cứu, phẫu thuật ngoại khoa, tiết niệu, nhãn khoa, răng hàm mặt và kiểm soát nhiễm khuẩn cho Bệnh viện Phụ sản Thái Bình, Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng, Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phụ, Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy, Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải và Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình; đào tạo, hướng dẫn nhân viên y tế về nội dung sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, quản lý thiết bị y tế.

STT	Thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

3.2.2. *Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi*

Dựa trên dữ liệu khảo sát có được, bám sát Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được duyệt. Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh được lập sẽ bao gồm các nội dung theo quy định tại Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, áp dụng cho dự án không có cấu phần xây dựng, cụ thể:

Sự cần thiết đầu tư;

Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành;

Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư;

Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư;

Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị;

Mô tả về quy mô, số lượng, tên của thiết bị theo khoa phòng và theo chủng loại trang thiết bị;

Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường (nếu có);

Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư;

Xác định tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động vốn;

Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án; vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án;

Tổ chức quản lý dự án, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án;

Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (nếu có).

3.2.3. *Phối hợp cùng chủ đầu tư*

a. *Thời gian phối hợp:*

- Giai đoạn khảo sát;
- Giai đoạn lập điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Giai đoạn trình thẩm tra, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.

b. *Cách thức tiến hành*

- Cùng rà soát các văn bản pháp lý, hồ sơ kỹ thuật, tài liệu, số liệu kỹ thuật (nếu có).
- Phân tích đánh giá chất lượng kỹ thuật thiết bị; công nghệ giải pháp kỹ thuật của thiết bị dự kiến đầu tư.
- Khảo sát các thiết bị trên thị trường của các nhà sản xuất có uy tín chất lượng, đánh giá cơ bản từng cấu hình tính năng kỹ thuật thiết bị nhằm đảm bảo

sự phù hợp với với đầu ra của dự án.

- Kiểm tra điều kiện hoạt động của thiết bị và đánh giá sự phù hợp so với điều kiện môi trường, độ ẩm khí hậu của Việt Nam, đặc biệt là tại các đơn vị thụ hưởng.
- Kiểm tra đánh giá sự phù hợp của nguồn điện sử dụng của thiết bị so với nguồn điện lưới quốc gia và so với nguồn điện lưới tại đơn vị sử dụng.
- Đánh giá mức độ rủi ro của thiết bị y tế theo cấp độ phân loại và quy tắc phân loại của tổ chức phân loại và đối chiếu với quy định hiện hành.
- Đánh giá tác động môi trường và nêu những biện pháp hạn chế rủi ro, bảo vệ môi trường.
- Khảo sát thu thập thông tin về giá thiết bị của các sản xuất nổi tiếng và có uy tín trên thị trường thông qua kết quả đấu thầu được công bố trên hệ thống công khai giá trang thiết bị y tế <https://dmec.moh.gov.vn>; Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Bộ Kế Hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) và các đơn vị phân phối bán hàng tại thị trường (nếu có).
- Lập dự toán kinh phí đầu tư (*Bao gồm tất cả các chi phí thực hiện cho đến khi hoàn thành kết thúc dự án*) theo hướng dẫn của Nghị định 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

PHẦN IV. NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC

- Thực hiện công việc tư vấn theo các điều khoản của hợp đồng đã ký và các quy định hiện hành.
- Bố trí nhân sự có đủ trình độ chuyên môn và năng lực thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Kiểm tra khối lượng công việc của nhà thầu theo hợp đồng mà nhà thầu đã ký với Chủ đầu tư trước khi thực hiện công việc.
- Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm công việc được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ, thực hiện đúng vai trò và trách nhiệm mà Chủ đầu tư đã giao.
- Thực hiện việc Tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, danh mục, cấu hình thiết bị đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục B**NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU**

(Kèm theo Hợp đồng tư vấn số:/2025/HĐ ngày/...../2025)

STT	Họ và tên	Loại nhân sự	Chức vụ đảm nhận trong gói thầu
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			

Phụ lục C**TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO CỦA NHÀ THẦU***(Kèm theo Hợp đồng tư vấn số: /2025/HĐ ngày /.... /2025)*

STT	Nội dung công việc	Số ngày thực hiện
1	Tiếp nhận các văn bản pháp lý có liên quan đến dự án đầu tư ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực	0,5
2	Nghiên cứu các văn bản pháp lý có liên quan đến dự án, tìm hiểu các đơn vị thụ hưởng	0,5
3	Thực hiện khảo sát, thu thập dữ liệu của các đơn vị thụ hưởng	03
4	Tổng hợp kết quả khảo sát, xử lý thông tin	01
5	Lập dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi	12
6	Trình dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi và xin ý kiến hoàn thiện bổ sung; tiếp nhận các ý kiến đóng góp của Chủ đầu tư	01
7	Báo cáo Hội đồng khoa học/Hội đồng thẩm định/Cơ quan thẩm định	01
8	Hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt	01